**TUẦN 29**

**BÀI 60: PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 ( 3 Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

***1.1. Tiết 1: Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000***

- HS thực hiện được phép cộng ( có nhớ) trong phạm vi 1000

+ Đặt tính theo cột dọc

+ Từ phải qua trái cộng hai số đơn vị, hai số chục, hai số tram với hai tình huống:

nhớ 1 từ cột đơn vị sang cột chục hoặc nhớ 1 từ cột chục sang cột trăm.

- Giải quyết được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi đã học.

***1.2. Tiết 2: Luyện tập***

- Củng cố và hoàn thiện kỹ năng đặt tính rồi tính phép cộng (thêm trường hợp có nhớ 100) các số có ba chữ số trong phạm vi 1000.

- Học sinh thực hiện được phép cộng nhẩm số tròn trăm ra kết quả là 1000; áp dụng phép cộng có nhớ vào bài toán có lời văn.

***1.3. Tiết 3: Luyện tập***

- Củng bố kỹ năng thực hiện phép cộng trong phạm vi 1000;

- Áp dụng tính trong trường hợp có 2 dấu phép tính cộng, trừ;

- Giải và trình bày giải bài toán có lời văn.

**2. Phát triển năng lực:**

- Thông qua hoạt động khám phá, phát hiện các tình huống, nêu bài toán và cách giải, học sinh phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các đơn vị đo độ dài đã học nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

**3. Phát triển phẩm chất:**

**-** Góp phần phát triển phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Giáo dục HS yêu thích môn học, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách giáo khoa. Các hình biểu diễn trăm, chục, đơn vị, máy tính.

- HS: Sách giáo khoa, bộ đồ dùng học toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **TIẾT 1: PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000**Ngày dạy: 01/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động: (5p)**- GV kết hợp với quản trò điều hành trò chơi: **Đố bạn:** + ND chơi quản trò nêu ra phép tính để học sinh nêu kết quả tương ứng:424 + 113 806 + 73203 + 621 104 + 63- Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh tích cực.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: **2.Khám phá (10p)**- GV  cho học sinh quan sát tranh và dẫn dắt câu chuyện. Chẳng hạn: “Nhà sóc phải dự trử hạt thông cho mùa đông sắp đến. Nhà sóc có sốc bố, sóc mẹ, sóc anh và sóc em”. - GV cho học sinh đọc lời thoại của các nhân vật.a) Giới thiệu phép cộng.- GV vừa nêu bài toán, vừa gắn hình biểu diễn số như phần bài học trong SGK.- Bài toán: Bố nhặt 346 hạt thông, mẹ nhặt 229 hạt thông. Hỏi bố và mẹ nhặt được tất cả bao nhiêu hạt thông ?- GV hỏi:+ Bài toán cho biết gì ?+ Bài toán hỏi gì ?+ Muốn biết bố và mẹ nhặt được tất cả bao nhiêu hạt thông em hãy nêu phép tính ?- Để tìm tất cả có bao nhiêu hình vuông, chúng ta gộp số 326 hạt thông của bố với 253 hạt thông của mẹ lại để tìm tổng 326 + 253.b) Đi tìm kết quả.- Yêu cầu HS quan sát hình biểu diễn phép cộng và hỏi:+ Tổng 346 và 229 có tất cả mấy trăm, mấy chục và mấy hình vuông?+ Gộp 5 trăm, 7 chục, 5 hình vuông lại thì có tất cả bao nhiêu hình vuông?+ Vậy 346 cộng 229 bằng bao nhiêu?c) Đặt tính và thực hiện.- Nêu yêu cầu: Dựa vào cách đặt tính cộng các số có 2 chữ số, hãy suy nghĩ và tìm cách đặt tính cộng 346, 229.- Nếu HS đặt tính đúng, GV cho HS nêu lại cách tính của mình, sau đó cho một số em khác nhắc lại. Nếu HS đặt tính chưa đúng, GV nêu cách đặt tính cho HS cả lớp cùng theo dõi. 3 4 6 + 2 2 9  5 7 5- Yêu cầu học sinh nêu lại cách tính.- Hướng dẫn học sinh cách đặt tính: 346 + 229 575*“Viết số 346 ở dòng trên, viết số 2 ở dòng dưới sao cho số 2 thẳng cột với số 3 ở hàng trăm,viết 2 thẳng với số 4, viết số 9 ở hàng dưới thẳng với số 6 viết dấu + ở giữa hai số về phía bên trái, viết dấu gạch ngang thay cho dấu =”**- YCHS nêu cách tính*- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách đặt tính. Sau đó thực hiện phép tínhH: Vậy bố mẹ nhặt được bao nhiêu hạt thông ?**3. Thực hành, luyện tập(18p)**- GV giao nhiệm vụ học tập cho HS- GV trợ giúp HS hạn chế*+*Quản trò điều hành hoạt động chia sẻ.**\* Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**- GV nêu yêu cầu của bài.- Bài tập yêu cầu các em làm gì ?- Yêu cầu HS lên bảng chia sẻ kết quả.- Nhận xét bài làm từng em.**\* Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- 1 HS nêu cách đặt tính.- 1 HS nêu cách thực hiện phép tính.- YCHS làm bài vào vở- Yêu cầu đổi vở kiểm tra chéo- Giáo viên chấm nhận xét chung.- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính.**\* Bài 3:** - GV nêu yêu cầu của bài.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Để tính được rô bốt vẽ tất cả bao nhiêu chấm màu em hãy nêu phép tính ?- Yêu cầu 1 HS lên bảng giải.- Yêu cầu 1 em lên bảng chia sẻ kết quả.**4.Vận dụng, trải nghiệm (2p)**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Quản trò lên tổ chức cho cả lớp cùng chơi.- HS nhận xét (Đúng hoặc sai).- Quan sát tranh, lắng nghe- HS đọc lời thoại của các nhân vật- Theo dõi và tìm hiểu bài toán.- HS phân tích bài toán.+ Bố nhặt 346 hạt thông, mẹ nhặt 229 hạt thông.+ Bố và mẹ nhặt được tất cả bao nhiêu hạt thông ?+ Ta thực hiện phép cộng 346 + 229.+ Có tất cả 5 trăm, 7 chục và 5 hình vuông.+ Có tất cả 579 hình vuông.+ 346 + 229 = 575.- 2 HS lên bảng lớp đặt tính. Cả lớp làm bài ra giấy nháy.- Theo dõi GV hướng dẫn và đặt tính theo. - HS nêu- Quan sát - HS nêu 6 cộng 9 bằng 15 viết 5 nhớ 1 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7 3 cộng 2 bằng 5, viết 5Vậy: 346 + 229 = 575.- HS nhắc lại yêu cầu của bài. - Tính - Yêu cầu HS làm vào bảng con 247 639 524 845+ 343 +142 + 18 + 106 590 781 542 951- HS nhắc lại yêu cầu của bài. - HS nêu- 1 HS thực hiện- HS chia sẻ: 427 607 729 246 + 246 +143 + 32 + 44 673 750 761 290- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.+ Rô bốt vẽ 709 chấm xanh và 289 chấm đỏ+ Hỏi rô bốt vẽ tất cả bao nhiêu chấm màu ?+ HS nêu.- HS làm bài:**Bài giải** Rô bốt vẽ được số chấm màu là : 709 + 289 = 998 (chấm màu) Đáp số : 998 chấm màu- HS nhận xét.- HS lắng nghe.- HS chia sẻ. |
| **TIẾT 2: LUYỆN TẬP**Ngày dạy: 02/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động (5p)**- GV kết hợp với quản trò điều hành trò chơi: **Đố bạn:** **+ND chơi quản trò nêu** ra phép tính để học sinh nêu kết quả tương ứng:424 + 215 706 + 72263 + 620 124 + 53- Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh tích cực.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Luyện tập.*****2. Luyện tập, thực hành(28p)****\* Bài 1:** - GV nêu yêu cầu của bài.- Bài tập yêu cầu các em làm gì ?- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính.- GV yêu cầu HS quan sát mẫu nêu cách tính phép tính.- GV nhận xét- Yêu cầu 2 em lên bảng chia sẻ kết quả, lớp làm bảng con.- Yêu cầu học sinh nhận xét bài trên bảng.- Nhận xét bài làm học sinh.**Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- 1 HS nêu cách đặt tính.- 1 HS nêu cách thực hiện phép tính.- YCHS làm bài vào bảng con457 + 452 326 + 29 762 + 184 546 +172- Giáo viên nhận xét.- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính**\* Bài 3: Tính nhẩm theo mẫu**- GV nêu yêu cầu của bài.- YCHS đọc mẫu.- Giáo viên hướng dẫn học sinh tính nhẩm theo mẫu. Đối với phép cộng “300 + 700” thì nhẩm  là “ ba trăm cộng bảy trăm”, coi “trăm” là đơn vị, sẽ được “10 trăm”.Mà “10 trăm  là 1000”, do đó “300 + 700 = 1000”. - Yêu cầu học sinh tính nhẩm tương đối với các phép tính còn lại.a. 200 + 600 b. 500 + 400c.400 + 600 d. 100 + 900**\* Bài 4:** + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Để tính được thứ hai đàn sếu bay được bao nhiêu km em hãy nêu phép tính ?- Yêu cầu 1HS làm vào bảng phụ cả lớp làm vào vở- Yêu cầu 1 em lên bảng chia sẻ kết quả.**\* Bài 5:**- Gọi 1 HS nêu đề bài- Để làm được bài này các em nên làm thế nào ?- Yêu cầu học sinh thực hiện từng phép tính trên các bóng đèn sau đó tìm bóng đèn ra kết quả có cách đọc giống với cách đọc ghi trên nguồn điện (ở đây là ắc - quy)- Tổ chức trò chơi Rung chuông vàng- Nhận xét**3. Vận dụng, trải nghiệm (2p)**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Quản trò lên tổ chức cho cả lớp cùng chơi.- HS nhận xét đúng sai (Đúng hoặc sai).- HS nhắc lại yêu cầu của bài. - Tính ( theo mẫu)- HS trả lời- 1 HS thực hiện- HS quan sát mẫu và nêu lại cách tính2 cộng 3 bằng 5, viết 55 cộng 7 bằng 12, viết 2, nhớ 14 cộng 2 bằng 6, nhớ 1 bằng 7- Yêu cầu HS làm vào bảng con- HS chia sẻ: a. 381 b. 550  + 342 +192  723 742- HS nhắc lại yêu cầu của bài.- HS nêu- HS nêu- Lớp làm bảng con- HS chia sẻ: 457 326 762 546 + 452 + 29 + 184 + 172 909 355 946 738- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- 400 + 200 = ?- HS lắng nghe- HS tính nhẩm trước lớp.+ Ngày thứ nhất đàn sếu bay được 248km. Ngày thứ hai đàn sếu bay được nhiều hơn ngày thứ nhất 70 km + Ngày thứ hai đàn sếu bay được bao nhiêu km ? + HS nêu phép tính 248+70 **Bài giải**Ngày thứ hai đàn sếu bay được số km là 248 + 70 = 318 (km) Đáp số : 318 km- 1 HS nêu đề bài- HS xác định dòng nước chảy- Ta sẽ thực hiện từng phép tính trên các bóng đèn sau đó tìm bóng đèn ra kết quả có cách đọc giống với cách đọc ghi trên nguồn điện (ở đây là ắc - quy)- Tham gia chơi- HS chia sẻ |
| **TIẾT 3: LUYỆN TẬP**Ngày dạy: 03/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (2p)**- Cho HS vận động theo nhạc.**2. Luyện tập, thực hành (30p)****\* Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp** - GV nêu yêu cầu của bài.- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- 1 HS nêu cách đặt tính.- 1 HS nêu cách thực hiện phép tính.- YCHS làm bài vào bảng con548 + 312 592 + 234 690 + 89 427 + 125- Giáo viên nhận xét.- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính.**\* Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- 1 HS nêu cách đặt tính.- 1 HS nêu cách thực hiện phép tính.- YCHS làm bài vào bảng con457 + 452 326 + 29 762 + 184 546 +172- Giáo viên nhận xét.- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính**\* Bài 3:** - Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Để tính được Toà nhà B cao bao nhiêu mét em hãy nêu phép tính ?- Yêu cầu 1HS làm vào bảng phụ cả lớp làm vào vở- Yêu cầu 1 em lên bảng chia sẻ kết quả.**\*Bài 4:** Tính- Gọi 1 HS nêu đề bài GV đưa ra bài toán; 468 + 22 + 200- GV hỏi:+ Đây là bài toán có mấy phép tính ?+ Bạn nào có thể nêu cách thực hiện phép tính của bài toán này ? - YCHS làm bài theo nhóm 4Tổ 1 + 2: 75 – 25 + 550Tổ 3 + 4: 747 + 123 – 100- YCHS chia sẻ- Nhận xét**Bài 4:**Yêu cầu học sinh quan sát tranh và nêu các dữ kiện ( lượng nước ở mỗi bể).+ Bể 1 đựng được bao nhiêu lít nước ?+ Bể 2 đựng được bao nhiêu lít nước ?+ Để biết được sau khi hai bể đầy nước, tổng lượng nước trong hai bể là bao nhiêu lít ta nên làm thế nào ?- Yêu cầu học sinh viết phép tính và thực hiện 240 + 320 = 560.Sau đó trả lời câu hỏi của bài toán. Vậy: “Sau khi các bể đầy nước, tổng lượng nước ở hai bể là bao nhiêu lít ?”- Dựa vào tranh và hiểu biết của học sinh giáo viên có thể để sinh dự đoán xem để nào đầy nước trước tính từ lúc bắt cá sấu mở vòi nước.nào ? Câu hỏi này có nhiều đáp án **3. Vận dụng, trải nghiệm (3p)**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - HS thực hiện.- HS nhắc lại yêu cầu của bài.- HS nhắc lại yêu cầu của bài.- HS nêu- HS nêu cách thực hiện phép tính.- Lớp làm bảng con- HS chia sẻ: 548 592 690 427 + 312 +234 + 89 + 125 860 826 779 552- HS nhắc lại yêu cầu của bài.- HS nêu- HS nêu lại cách tính.- Lớp làm bảng con- HS chia sẻ: 457 326 762 546 + 452 + 29 + 184 + 172 909 355 946 738- Học sinh đọc+ Tòa nhà A cao 336 m, tòa nhà B cao hơn tòa nhà A 126 m.+ Toà nhà B cao bao nhiêu mét ?+ 336 + 129**Bài giải**Tòa nhà B cao là  336 + 129 = 465(m) Đáp số : 465 m- 1 HS nêu đề bài+ Đây là bài toán có 2 phép tính.+ Ta thực hiện phép tính từ phải sang trái.- Thực hiện theo nhóm 4- Quan sát tranh+ Bể 1 đựng được 240 lít nước+ Bể 2 đựng được 320 lít nước+ Ta viết phép tính và thực hiện  240 + 320 = 560- Sau khi các bể đầy nước, tổng lượng nước ở hai bể là 560 lít.- HS lắng nghe và thực hiện.- HS chia sẻ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** (Nếu có)

.................................................................................................................................................... ..........................................................................................................................................

**BÀI 61: PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (3TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

***1.1. Tiết 1: Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000***

- Thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000

- Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có 2 dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) trong phạm vi các số và phép tính đã học.

 - Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh, ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

-  Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài tập có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính ( bài tập về bớt một số đơn vị, bài tập về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị)

***1.2. Tiết 2: Luyện tập***

- HS biết cách làm tính trừ không nhớ các số trong phạm vi 1000.

- Làm được dạng toán có lời văn với một bước tính.

***1.3. Tiết 3: Luyện tập***

- Thực hiện được phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.

- Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) trong phạm vi các số và phép tính đã học.

- Biết sử dụng ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội đung toán học ở những tình huống đơn giản.

- Củng cố kiến thức về so sánh các số trong phạm vi 1000, về vị trí (trong - ngoài), về đơn vị đo độ đài (mét).

- Giải bài toán lởi văn có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học).

**2. Phát triển năng lực:**

- Phát triển năng lực thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản. Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận giải quyết các bài toán có lời văn nhằm phát triển năng lực giao tiếp.

- Lựa chọn  được phép tính để giải quyết được các bài tập có một bước tính nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung văn học ở những tình huống đơn giản nhằm phát triển năng lực giao tiếp.

**3. Phát triển phẩm chất:**

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách giáo khoa, máy tính, bảng phụ.

- HS: Sách giáo khoa, bộ đồ dùng học toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DAY HỌC :**

|  |
| --- |
| **TIẾT 1: PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000**Ngày dạy: 04/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (5p)**- GV kết hợp với quản trò điều hành trò chơi: **Đố bạn:** - Quản trò điều hành Trò chơi: ***Đố bạn:******-*** Nội dung chơi: đưa ra bài toán để học sinh nêu đáp số: + VD: *Thùng 1 đựng 156 lít dầu. Thùng hai đựng nhiều hơn thùng thứ nhất 27 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai đựng bao nhiêu lít dầu? (...)*- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi và tuyên dương những học sinh trả lời đúng và nhanh.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.*****2. Khám phá (12p)****Việc 1: Giới thiệu phép trừ:** - Gọi HS đọc đoạn hội thoại của 3 bạn.- GV hỏi:+ Quê Nam cách đây bao nhiêu km ? + Quê của Tuấn xa hơn ,cách đây bao nhiêu km ?+ Mai đã hỏi điều gì ? - Bài toán: Quê của Nam cách đây 254 km, quê Tuấn xa hơn cách đây 586 km. Hỏi quê Tuấn xa hơn bao nhiêu ki – lô - mét? + Muốn biết xa hơn bao nhiêu ki – lô - mét ,ta làm thế nào? + Vậy 586 trừ 254 bằng bao nhiêu ? **Việc 2: Đặt tính và thực hiện tính** - Viết số bị trừ ở hàng trên (586), sau đó xuống dòng viết số trừ (254) sao cho thẳng cột hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị với nhau. Rồi viết dấu trừ vào giữa hai dòng kẻ và gạch ngang dưới 2 số. - Thực hiện phép tính từ phải sang trái. 6 trừ 4 bằng 2, viết 2. 8 trừ 5 bằng 3, viết 3. 5 trừ 2 bằng 3, viết 3. Vậy 586 - 254 = 332**3. Luyện tập, thực hành: (18p)****Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính.- GV yêu cầu HS nêu cách tính 1 phép tính. 467- 240 227- GV nhận xét- Yêu cầu 3 em lên bảng chia sẻ kết quả.- Yêu cầu học sinh nhận xét bài trên bảng.- Nhận xét bài làm học sinh.**Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- 1 HS nêu cách đặt tính.- 1 HS nêu cách thực hiện phép tính.- YCHS làm bài vào vở, 1HS làm vào phiếu543 - 403 619 - 207 758 - 727 347 - 120- YCHS đổi vở chấm chéo- Chấm bài- Giáo viên nhận xét.- YC 1 HS nêu cách đặt tính và tính.**\* Bài 3: Tính nhẩm (theo mẫu)**- GV nêu yêu cầu của bài.- YCHS đọc mẫu.Giáo viên hướng dẫn học sinh tính nhẩm theo mẫu. Yêu cầu học sinh tính nhẩm tương đối với các phép tính còn lại. 700 - 300 800 - 500 600 - 400 900 – 700**\* Bài 4:** - Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Để tính được bác Hùng thu hoạch được bao nhiêu ki – lô- gam thóc nếp ta làm thế nào?- Yêu cầu 1HS làm vào bảng phụ cả lớp làm vào vở- Yêu cầu 1 em lên bảng chia sẻ kết quả.**4. Vận dụng, trải nghiệm (2p)**- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - Học sinh chủ động tham gia chơi.- Đáp số: 183 lít.- Lắng nghe.- 1 HS đọc+ 254 km+ 586 km+ Xa hơn bao nhiêu km ?- HS lắng nghe và đọc bài toán.+ Ta lấy 586 trừ 254+ Bằng 332- HS quan sát - 2 học sinh lên bảng đặt tính, lớp làm bảng con.- HS nhắc lại yêu cầu của bài.- HS nêu- Lớp làm bảng con- HS chia sẻ: 732 291 991 - 412 - 250 - 530  321 11 461 - HS nhắc lại yêu cầu của bài.- HS nêu- Lớp làm vào vở- HS chia sẻ: 543 619 758 347 - 403 - 207 - 727 - 120 140 412 31 227- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- 600 - 200 = ?6 trăm - 200 trăm = 4 trăm 600 - 200 = 400- HS thực hiện- HS đọc+ Bác Sơn thu hoạch 580 kg thóc nếp, bác Hùng thu hoạch ít hơn bác Sơn 40 kg thóc nếp.+ Bác Hùng thu hoạch được bao nhiêu ki – lô- gam thóc nếp ?+ 580 - 40**Bài giải**Bác Hùng thu hoạch được số ki – lô- gam thóc nếp là  580 – 40 = 540(kg) Đáp số : 540 kg- HS chia sẻ. |
| **TIẾT 2: LUYỆN TẬP**Ngày dạy: 05/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (5p)**- Gọi 2HS lên bảng làm.\*Đặt tính rồi tính: HS1: 548 – 312 HS2: 592 - 222- GV sửa bài và nhận xét. **2. Luyện tập, thực hành (28p)***Bài 1:* - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS làm vào phiếu bài tập- GV quan sát HS làm và thu nhận xét một số phiếu.- GV kiểm tra bài làm trên bảng.- GV cho HS đọc lại các phép tính đúng.- Nhận xét, tuyên dương HS.*Bài 2:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?a/ YC HS quan sát tranh.- GV hỏi:+ Trong tranh có mấy bông hoa?+ Con bọ rùa có 2 chấm đậu trên bông hoa thứ mấy?+ Con bọ rùa có 2 chấm đậu trên bông hoa thứ nhất có kết quả phép tính bằng bao nhiêu?+ Em làm thế nào có kết quả như vậy?- Gv nhận xét.b/+ Bông hoa thứ 2 và thứ 3 có kết quả bằng bao nhiêu?+ Em làm thế nào có kết quả như vậy?+ Có kết quả của 3 phép tính vậy bạn nào cho cô biết 2 phép tính nào có kết quả bằng nhau?-GV nhận xét.Bài 3:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho học sinh tính nhẩm và chọn đáp án đúng.- Gọi từng học sinh làm từng phép tính.- GV nhận xét qua mỗi bài làm của HS.Bài 4:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS quan sát tranh:+ Bức tranh thứ nhất có phép tính 245 -125 bằng bao nhiêu?+ Cái cân đang ở vị trí bằng nhau, thì cân năng của 2 vật trên như thế nào?+Vậy kết quả cần điền là số mấy?- GV nhận xét, tuyên dương- GV hướng dẫn HS làm 2 tranh còn lại.- GV nhận xét, lưu ý HS quan sát cẩn thận khi làm.Bài 5:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Bài toán yêu cầu tìm gì?- Muốn biết số học sinh nam là bao nhiêu ta làm thế nào?- GV chốt lại cách giải.- GV thu một số vở nhanh nhất nhận xét.- GV nhận xét**3. Vận dụng, trải nghiệm (2p)**- Chuẩn bị bài mới- Nhận xét giờ học. | - HS làm.- HS làm bảng con.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- 1HS lên bảng. Cả lớp làm vào phiếu - HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.- HS đọc- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- HS quan sát+ Có 3 bông hoa.+ Đậu trên bông hoa thứ nhất.+ Có kết quả bằng 412.- HS nhận xét.+ HS trả lời.+ Bông hoa thứ 2 có kết quả bằng 311, bông hoa thứ 3 có kết quả bằng 412+ HS trả lời.+ Bông hoa thứ 1 có kết quả bằng bông hoa thứ 3.- HS đọc- 1-2 HS trả lời.- HS làm bài cá nhân.- HS lắng nghe.- 2 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.+ Bằng 120.+ Cân nặng của hai vật trên bằng nhau?+ HS kết quả là 120 kết quả cần điền là số 0.- HS lắng nghe.- HS làm dưới sự hướng dẫn của GV.- HS lắng nghe.+ Một trường tiểu học có 465 học sinh, trong đó có 240 học sinh nữ.+ Hỏi trường tiểu học đó có bao nhiêu học sinh nam?+ Tìm số học sinh nam trường tiểu học đó.- HS trả lời.- 1HS làm bảng lớp cả lớp làm vào vở.**Giải**Số học sinh nam trường tiểu học có là.465 - 240 = 225 (học sinh) Đáp số: 225 học sinh- HS nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **TIẾT 3: LUYỆN TẬP**Ngày dạy: 08/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (5p)**Trưởng ban học tập điều hành trò chơi: ***Bắn tên***Nội dung chơi: TBHT đọc phép tính để học sinh nêu kết quả:456 – 124 673 – 212 542 - 100 - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS tích cực.- Giới thiệu bài mới và ghi đề bài lên bảng:**2. Luyện tập, thực hành: (28p)****Bài 1:** - GV cho HS xem tranh+ Tranh vẽ gì? - Gọi 1 HS đọc đề toán- YC HS nêu kết quả của phép tính trên mỗi bó cỏ+ Trâu sẽ ăn bó cỏ có ghi phép tính có kết quả lớn nhất. Đó là bó cỏ nào? - Tổ chức cho học sinh nhận xét.- Nhận xét tuyên dương học sinh =>**GV chốt** **Bài 2:** **-** Gọi HS nêu yêu cầu bài tập- YC HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- Tổ chức cho học sinh nhận xét.- Nhận xét tuyên dương học sinh =>**GV chốt****Bài 3:** - Giáo viên vẽ hình như SGK. + Cô đã vẽ hình gì?- Gọi HS nêu các số trong hình tròn và các số trong hình vuông.+ Số lớn nhất trong hình tròn là số nào?+ Số bé nhất trong hình vuông là số nào?+ Muốn biết hiệu của hai số là bao nhiêu ta thực hiện như thế nào?\* GV có thể mở rộng bài tập bằng cách thay đổi đề bài.Chẳng hạn: “Tìm hiệu của số bé nhất nằm trong hình tròn và sổ bé nhất nằm ngoài hình tròn. Tìm hiệu của số vừa nằm trong hình tròn, vừa nằm trong hình vuông và số bé nhất nằm trong hình vuông”. => **GV chốt****Bài 4:** **-** Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu bài tập- GV cho HS suy nghĩ làm bài.- Yêu cầu HS chia sẻ kết quả.- Tổ chức cho học sinh nhận xét.- Nhận xét tuyên dương học sinh.\* GV có thể đặt thêm câu hỏi: Cẩu Trường Tiền ngắn hơn cầu Rồng bao nhiêu mét? => **Gv chốt****Bài 5:** - Yêu cầu 1 HS lên bảng chia sẻ kết quả.- Tổ chức cho HS NX bài làm của bạn trên bảng.- GV nhận xét tuyên dương học sinh.=> **GV chốt****3. Vận dụng, trải nghiệm: (2p)**- Qua bài học, em biết được điều gì?- GV chốt lại những phần chính trong tiết dạy.- Giáo viên nhận xét tiết học.- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa lại bài làm sai. Xem trước bài: ***Phép trừ ( có nhớ) trong phạm vi 1000.*** | - Học sinh tham gia chơi.- HS dưới lớp cổ vũ và làm ban giám khảo.- Lắng nghe.- HS mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.- HS quan sát+ HS trả lời- HS đọc- HS nêu+ HS trả lời- HS nhận xét- Lắng nghe.- HS nêu- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- 2 HS chia sẻ kết quả.- Học sinh nhận xét.- Học sinh lắng nghe.- HS quan sát+ Hình tròn và hình vuông- HS nêu+ 842+ 410+ Lấy 842 trừ 410 bằng 432- HS thực hiện theo yêu cầu- HS nêu- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- HS chia sẻ*a. Cầu Bến Thuỷ 2 dài nhất. Cầu Trường Tiền ngắn nhất.**b. Cầu Bãi Cháy dài hơn cầu Trường Tiển sổ mét là: 903 - 403 = 500 (m)*- Học sinh nhận xét.- Học sinh lắng nghe.- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- Tương tác, chia sẻ trong nhóm- HS chia sẻ*a) Nhấc 1 que tính ở số 8 (để được số 9) rổi xếp vào số 0 (để được số 8). Khi đó số lớn nhất có thể xếp được là 798* *b) 798 - 780 = 18.*- Học sinh nhận xét.- Học sinh lắng nghe.- HS nêu- Học sinh lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** (Nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LUYỆN TOÁN: ÔN LUYỆN (TIẾT 1)**

BÀI 60: PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (TIẾT 1)

Thứ năm, ngày 04/04/2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- HS thực hiện được phép cộng (có nhở) trong phạm vi 1000:

+ Đặt tính theo cột dọc;

+ Từ phải qua trái, cộng hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm với hai tình huống: nhớ 1 từ cột đơn vị sang cột chục hoặc nhớ 1 từ cột chục sang cột trăm.

- Củng cố kĩ năng được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi đã học.

- Củng cố giải toán có lời văn.

**2. Năng lực:**

**-**  Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng hợp tác

 **3. Phẩm chất:**

**-** Có tính tính cẩn thận khi làm bài

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài.

- HS: VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC CHỦ YẾU**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động: (4p)**- GV tổ chức cho HS hát tập thể bài “Lớp chúng ta đoàn kết”.- GV kết nối vào bài: Bài học hôm nay giúp các em thực hiện được phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000- GV ghi tên bài: Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000 (tiết 1)**2. Luyện tập thực hành (29p)****Bài 1**: **Tính?**- GV cho HS đọc yêu cầu đề bài- GV cho HS nhắc lại cách thực hiện phép cộng phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000.- GV yêu cầu HS làm bài vào vở BT- GV gọi 1 HS lên trình bày bài.- GV gọi HS nhận xét. - GV chốt đáp án đúng- GV hỏi: Dựa vào đâu để làm tốt BT1?**Bài 2:** **Đặt tính rồi tính.**- GV cho HS đọc yêu cầu đề bài- GV cho HS nhắc đặt tính- GV cho HS làm VBT, 2 HS lên bảng làm mỗi bạn 2 phép tính.- GV cho HS trình bày bài- GV gọi HS nhận xét- GV nhận xét, chốt**Bài 3:** - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài- GV hướng dẫn cách thực hiện: + Đề bài cho gì?+ Đề bài hỏi gì?+ Để tìm được sáng nay nhà máy sản xuất được bao nhiêu chiếc bánh mì ta làm như thế nào?- GV cho 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào VBT- GV cho HS trình bày bài- GV gọi HS nhận xét- GV nhận xét, chốt**Bài 4:** - GV chiếu tranh cho HS quan sát.- GV hỏi: Trong tranh con thấy những con vật nào?- GV hướng dẫn HS quan sát kĩ tranh và thực hiện tính và nối kết quả đúng. - GV gọi HS đọc bài làm của mình- GV hỏi: 615 + 109 = …?- Con thực hiện như nào?- GV cho HS nhận xét.- GV nhận xét, chốt đáp án đúng**3. Vận dụng, trải nghiệm: (2p)****-** GV cho HS nhắc lại cách thực hiện phép cộng phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000.- YC HS về nhà hoàn thành bài và chuẩn bị bài sau | **-** HS hát**-** HS lắng nghe.- HS đọc yêu cầu- HS nhắc lại.- HS làm bài vào vở- HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét- HSTL theo ý hiểu của mình.- HS đọc yêu cầu đề bài- HS nhắc đặt tính- HS làm VBT, 2 HS lên bảng trình bày.- HS nhận xét- HS lắng nghe- HS đọc yêu cầu đề bài+ Một nhà máy sáng nay sản xuất được 169 chiếc bánh ì tròn và 803 chiếc bánh mì dẹt. + Hỏi sáng nay nhà máy sản xuất được tất cả bao nhiêu chiếc bánh mì?+ 169 + 803 = 972.- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.- HS trình bày bàiBài giảiSáng nay nhà máy sản xuất được tất cả số chiếc bánh mì là:169 + 803 = 972 (chiếc bánh mì)Đáp số: 972 chiếc bánh mì- HS nhận xét- HS quan sát và TLCH theo ý hiểu của mình.- HS trả lời- HS đọc đáp án, bài làm của mình.- HS trả lời- HS chia sẻ cách tính.- HS nhận xét- HS lắng nghe.- HS chia sẻ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** (Nếu có)

....................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................

**LUYỆN TOÁN: ÔN LUYỆN (TIẾT 2)**

BÀI 61:PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000(TIẾT 1)

Thứ sáu, ngày 05/04/2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Ôn tập, củng cổ kiến thức về phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1 000; ôn tập về đặt tính rồi tính với phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1 000; vận dụng vào giải các bài toán thực tế.

**2. Năng lực.**

- HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Có tính tính cẩn thận khi làm bài

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài.

- HS: VBT, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC CHỦ YẾU:**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động: (3p)**- GV cho HS chơi trò chơi: Đứng lên- ngồi xuống. | - HS chơi trò chơi theo hướng dẫn. |
| **2. Luyện tập, thực hành(30p)****Bài 1**: **Tính.**- Gọi HS đọc YC bài.- Y/c HS làm từng phép tính một vào.- GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.- Chiếu đáp án đúng để chữa bài.- GV gọi HS đọc kết quả đúng.- Đánh giá, nhận xét bài HS. | - HS đọc yêu cầu, HS lắng nghe.- HS làm bài vào bảng con. 1 em làm bảng lớp.- HS chữa bài chéo, so kết quả với giáo viên.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  468 |  247 |  283 |  926 |
| - | - | - | - |
|  247 |  247 |  283 |  525 |
|  221 |  0 |  0 |  401 |

 |
| **Bài 2: Đặt tính rồi tính.**- GV hướng dẫn HS làm vào vở BT.- Yêu cầu 1 em làm bảng phụ.- Đổi chéo vở cùng bàn để chữa bài.- GV nhận xét | * - HS làm vào vở BT.

- HS thực hiện. |
| **Bài 3: Tính nhẩm.** |  |
| - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV hướng dẫn HS tính nhẩm:- Y/c HS làm bài.- GV tổ chức cho HS đọc kết quả lần lượt theo dãy. - Cả lớp kiểm tra và đồng thanh hô lên: Đúng hoặc chưa đúng.- GV gọi HS giải thích, ( Nếu kết quả làm chưa đúng)- Chốt kết quả đúng. GV nhận xét+ Tuyên dương | - HS đọc- HS trả lời: Tính nhẩm.- HS làm bài.- HS đọc bài:+ HS 1: 700 - 500 = 200 - Cả lớp hô: Đúng+ HS 2: 900 – 600 = 300- Cả lớp hô: Đúng+ Hs 3: 800 – 200 = 600- Cả lớp hô: Đúng+ Hs 4: 500 – 400 = 100- Cả lớp hô: Đúng |
| **Bài 4:** - Gọi HS đọc yêu cầu đề bài.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Muốn biết con sư tử bao nhiêu ki-lô-gam ta làm như thế nào?- GV yêu cầu HS làm bài vào vở BT.- Cho Hs đổi chéo vở kiểm tra.- GV gọi HS nhận xét- GV đánh giá, nhận xét. | - HS đọc đề bài.+ Con trâu rừng cân nặng 480 kg. Con sư tử nhẹ hơn con trâu rừng 250 kg.+ Hỏi con sư tử bao nhiêu ki-lô-gam?+ Ta lấy 480 - 250 = 230 (kg)- HS làm bài:Con sư tử nặng số ki-lô-gam *là:*480 - 250 = 230 (kg) *Đáp số:*  230 kg. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (2p)**- Hôm nay em học bài gì? - Nhận xét giờ học. | - HS trả lời.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** (Nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................